

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt

Các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật cụ thể như sau:

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ		
Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ, bao gồm các yêu cầu như tính năng, đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, thiết bị.	Có tính năng, đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ “đạt yêu cầu” theo yêu cầu được quy định tại Mục 1.2 yêu cầu về kỹ thuật thuộc Phần 2 Chương V của E-HSMT.	Đạt
	“Không có” hoặc “không đạt yêu cầu” đối với bất kỳ tính năng, đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ theo yêu cầu được quy định tại Mục 1.2 yêu cầu về kỹ thuật thuộc Phần 2 Chương V của E-HSMT.	Không đạt
2. Giải pháp kỹ thuật lắp đặt hàng hóa thiết bị		
2.1. Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa.	- Nhà thầu phải trình bày các giải pháp kỹ thuật lắp đặt hàng hóa, thiết bị theo tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn của nhà sản xuất đối với các hàng hóa, thiết bị dự thầu.	Đạt
	- Nhà thầu không trình bày giải pháp kỹ thuật lắp đặt hàng hóa, thiết bị theo tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn của nhà sản xuất đối với các hàng hóa, thiết bị dự thầu.	Không đạt

2.2. Biện pháp tổ chức, cung cấp và lắp đặt hàng hóa thiết bị	Nhà thầu phải trình bày, thuyết minh biện pháp tổ chức, cung cấp và lắp đặt hàng hóa, thiết bị đảm bảo theo đúng trình tự và phù hợp với tiến độ thực hiện gói thầu.	Đạt
	Không có biện pháp tổ chức, cung cấp và lắp đặt hàng hóa, thiết bị đảm bảo theo đúng trình tự và phù hợp với tiến độ thực hiện gói thầu.	Không đạt
3. Tiến độ cung cấp hàng hóa		
Tiến độ cung cấp hàng hóa	Có trình bày bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, phù hợp với biện pháp tổ chức, cung cấp và lắp đặt hàng hóa thiết bị và phù hợp với thời gian thực hiện hợp đồng	Đạt
	Không có bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, phù hợp với biện pháp tổ chức, cung cấp và lắp đặt hàng hóa thiết bị và phù hợp với thời gian thực hiện hợp đồng	Không đạt
4. Mức độ đáp ứng các yêu cầu bảo hành, bảo trì		
4.1. Thời gian bảo hành	Thời gian bảo hành cho tất cả hàng hóa, thiết bị của gói thầu tối thiểu là: ≥ 12 tháng và theo tiêu chuẩn nhà sản xuất và cam kết cử cán bộ đến đơn vị sử dụng kiểm tra trong vòng ≤ 48 giờ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng.	Đạt
	Thời gian bảo hành cho hàng hóa, thiết bị của gói thầu: < 12 tháng và không theo tiêu chuẩn nhà sản xuất. Không cam kết cử cán bộ đến đơn vị sử dụng kiểm tra trong vòng ≤ 48 giờ hoặc có nhưng > 48 giờ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng.	Không đạt
4.2. Thực hiện chế độ bảo trì định kỳ	- Cam kết thực hiện chế độ bảo trì định kỳ tối thiểu mỗi 3 tháng	Đạt

	<p>một lần trong suốt thời gian bảo hành và nếu có sự cố kỹ thuật, nhà thầu cam kết cử cán bộ đến đơn vị sử dụng kiểm tra trong vòng ≤ 48 giờ khi được thông báo của Chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng (bằng văn bản, qua điện thoại, fax, Email). Thời gian giải quyết sự cố tối đa trong vòng ≤ 48 giờ kể từ khi nhận được thông báo (kể cả thứ 7 và chủ nhật).</p> <p>- Cam kết bảo trì miễn phí nhân công sau bảo hành ≥ 06 tháng.</p>	
	<p>- Không cam kết thực hiện chế độ bảo trì định kỳ tối thiểu mỗi 3 tháng một lần (hoặc ít hơn) trong thời gian bảo hành và nếu có sự cố kỹ thuật, nhà thầu không thực hiện cử cán bộ đến đơn vị sử dụng kiểm tra trong vòng ≤ 48 giờ hoặc có nhưng > 48 giờ khi được thông báo của Chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng (bằng văn bản, qua điện thoại, fax, Email). Thời gian giải quyết sự cố > 48 giờ kể từ khi nhận được thông báo, hoặc có nhưng không bao gồm thứ 7 và chủ nhật hoặc có cam kết nhưng thời gian bảo trì miễn phí nhân công sau bảo hành < 06 tháng.</p>	Không đạt
4.3. Vật tư tiêu hao và linh kiện thay thế	<p>- Có bản cam kết cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa, vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế tối thiểu 08 năm (sau thời gian bảo hành).</p> <p>- Có bảng báo giá bảo trì thiết bị (giá không thay đổi tối thiểu 08 năm (sau thời gian bảo hành)) và cam kết ký hợp đồng bảo trì, bảo dưỡng thiết bị sau khi hết thời gian bảo hành.</p>	Đạt
	<p>Không cam kết thực hiện nội dung hoặc không có bảng báo giá bảo trì thiết bị nêu trên</p>	Không đạt
5. Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường		

Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường của hàng hóa, thiết bị dự thầu	Cam kết hàng hóa, thiết bị dự thầu có khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường tại địa điểm cung cấp, lắp đặt theo yêu cầu của E-HSMT	Đạt
	Không cam kết đáp ứng theo yêu cầu	Không đạt
6. Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết		
Tác động môi trường trong quá trình cung cấp, lắp đặt thiết bị và dịch vụ liên quan trong quá trình thực hiện gói thầu	Cam kết quá trình cung cấp, lắp đặt thiết bị và dịch vụ liên quan trong thời gian thực hiện gói thầu không có tác động hoặc ảnh hưởng đến môi trường	Đạt
	Không có cam kết đáp ứng theo yêu cầu	Không đạt
7. Các yếu tố khác về thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo chuyển giao công nghệ:		
7.1. Thời gian thực hiện gói thầu:	Thời gian thực hiện gói thầu: ≤ 180 ngày	Đạt
	Thời gian thực hiện gói thầu: > 180 ngày	Không đạt
7.2. Đào tạo chuyển giao công nghệ	Nhà thầu phải cam kết: <ul style="list-style-type: none"> - Có chương trình đào tạo hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn việc bảo quản, bảo trì và sửa chữa cơ bản các thiết bị dự thầu cho cán bộ sử dụng và quản lý thiết bị phải đảm bảo hiệu quả chất lượng, an toàn cho người bệnh và cán bộ sử dụng. - Có chương trình đào tạo đầy đủ về chuyên môn lâm sàng và vận hành thiết bị cung cấp mới, cách xử lý các sự cố liên quan an toàn thiết bị cho đơn vị sử dụng. 	Đạt

	- Có bản cam kết cung cấp đầy đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo trì, sửa chữa các thiết bị dự thầu bằng tiếng Anh và tiếng Việt.	
	Không cam kết thực hiện nội dung nêu trên hoặc có cam kết nhưng không đầy đủ nội dung trên.	Không đạt
8. Quy định đối với đấu thầu thiết bị Y tế		
8.1. Yêu cầu về điều kiện mua bán thiết bị Y tế:	Cung cấp số phiếu tiếp nhận công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị Y tế đối với nhà thầu tham dự thầu theo quy định tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính Phủ về quản lý thiết bị Y tế	Đạt
	Không cung cấp phiếu tiếp nhận công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị Y tế thuộc gói thầu theo quy định hoặc có cung cấp nhưng đã bị thu hồi.	Không đạt
8.2. Điều kiện về lưu hành thiết bị Y tế:	Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về lưu hành và đối với hàng hóa dự thầu là Thiết bị Y tế theo quy định của Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021; Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính Phủ về quản lý thiết bị Y tế và Nghị định số 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ.	Đạt

	Không cung cấp đầy đủ tài liệu chứng minh đảm bảo các điều kiện về lưu hành thiết bị Y tế theo yêu cầu của E-HSMT.	Không đạt
8.3. Yêu cầu về quản lý giá thiết bị Y tế	- Yêu cầu về quản lý giá thiết bị Y tế: Nhà thầu phải cam kết hoặc cung cấp tài liệu chứng minh các thiết bị y tế tham gia dự thầu đảm bảo tuân thủ theo quy định tại khoản 9, khoản 10, Điều 1 tại Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính Phủ về quản lý thiết bị Y tế và Thông tư số 29/2024/TT-BYT ngày 03 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của thiết bị y tế thực hiện kê khai giá và các quy định của pháp luật về giá.	Đạt
	Không cam kết hoặc không cung cấp tài liệu chứng minh các thiết bị y tế tham gia dự thầu đảm bảo tuân thủ theo quy định tại khoản 9, khoản 10, Điều 1 tại Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính Phủ về quản lý thiết bị Y tế và Thông tư số 29/2024/TT-BYT ngày 03 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của thiết bị y tế thực hiện kê khai giá và các quy định của pháp luật về giá theo yêu cầu của E-HSMT.	Không đạt
8.4. Yêu cầu về kiểm định an toàn tính năng kỹ thuật thiết bị y tế	- Đối với thiết bị: Máy gây mê của gói thầu nằm trong danh mục cần kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01/08/2022; Thông tư số 59/2025/TT-BYT ngày 31/12/2025 của Bộ Y tế. Đối với nội dung này, nhà thầu phải cam kết thực hiện việc kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật thiết bị nêu trên thuộc gói thầu trước khi đưa	Đạt

	thiết bị vào sử dụng.	
	- Nhà thầu không cam kết thực hiện việc kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật đối với thiết bị Máy gây mê mà nhà thầu tham dự theo đúng quy định của Thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01/08/2022; Thông tư số 59/2025/TT-BYT ngày 31/12/2025 của Bộ Y tế trước khi đưa thiết bị vào sử dụng.	Không đạt
9. Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu	- Về uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu: Về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu: Từ ngày 01/01/2022, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) từng bị chủ đầu tư kết luận là vi phạm hợp đồng hoặc bị chấm dứt hợp đồng và bị công khai nội dung vi phạm kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. *Nhà thầu phải kèm theo E-HSDT bản cam kết đầy đủ các nội dung theo yêu cầu nêu trên.	Đạt
	- Không có cam kết hoặc có cam kết nhưng không đầy đủ theo yêu cầu hoặc đã có bằng chứng nhà thầu đã từng vi phạm theo các nội dung yêu cầu nêu trên về uy tín của nhà thầu	Không đạt
KẾT LUẬN	ĐẠT (khi tất cả các tiêu chí được đánh giá là “Đạt”)	
	KHÔNG ĐẠT (khi có bất kỳ 1 tiêu chí được đánh giá là “Không đạt”)	

